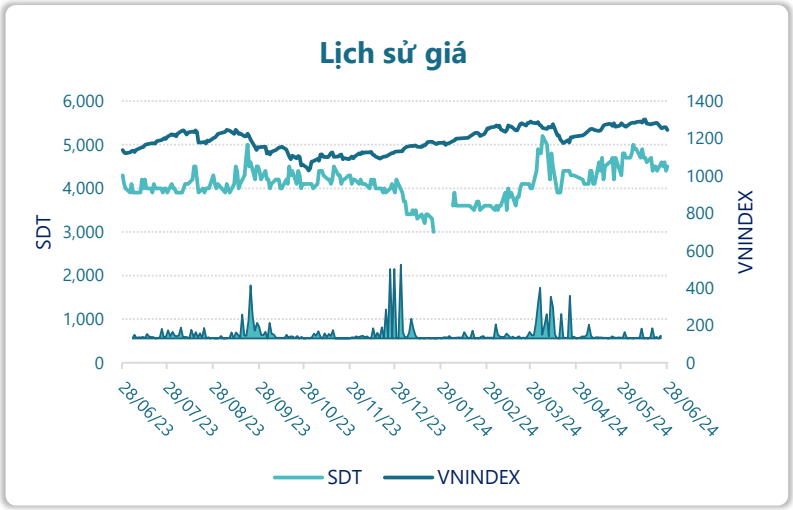
FireAnt

CTCP Sông Đà 10 (UPCOM: SDT)



Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**4,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	
SL cổ phiếu LH	42,732,311
KLGD BQ 20 phiên (CP)	39,170
% sở hữu nước ngoài	1.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	192
P/E	17.1
EPS	264

DT thuần

Q2/24

233

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 93.0| 66.6%

YoY: ▲ 81.0| 53.4%

LN sau thuế

Q2/24

-5.22

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.62| -473%

YoY: ▼7.30| -351%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

4.4%

+/- YoY: ▼ 10.8%

DT thuần

6T 2024

373

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 145| 63.7%

LN sau thuế

6T 2024

-3.82

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.98| 51.0%

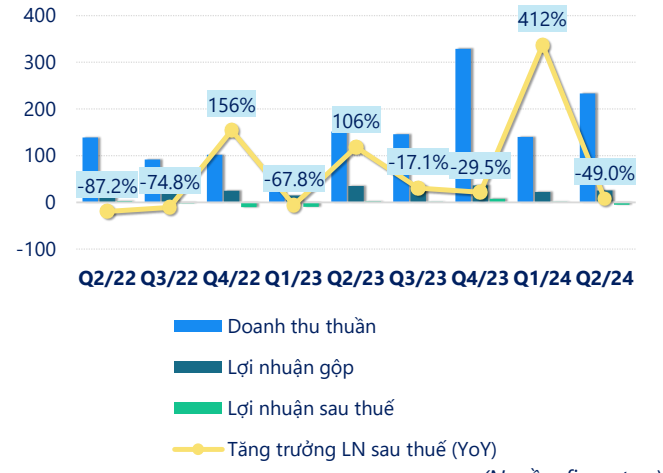
ROE

Q2/24

1.4%

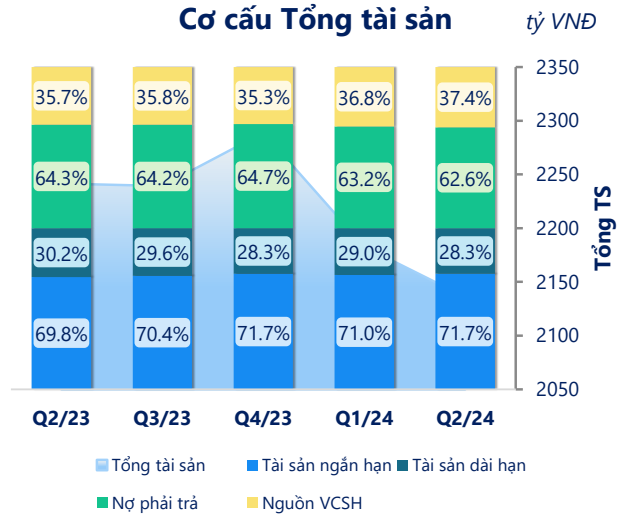
+/- YoY: ▲ 3.4%

Kết quả kinh doanh



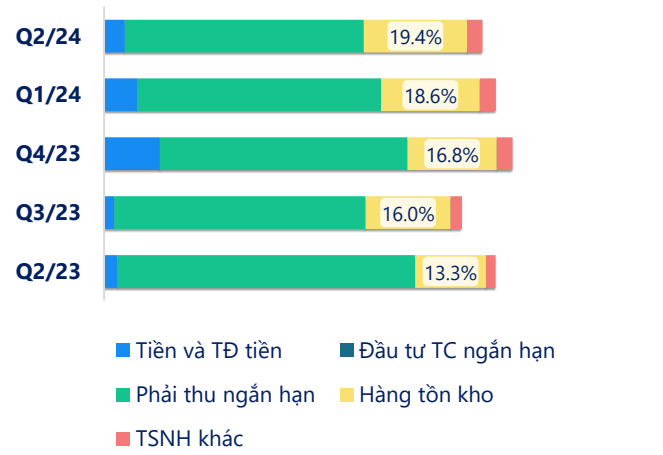
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



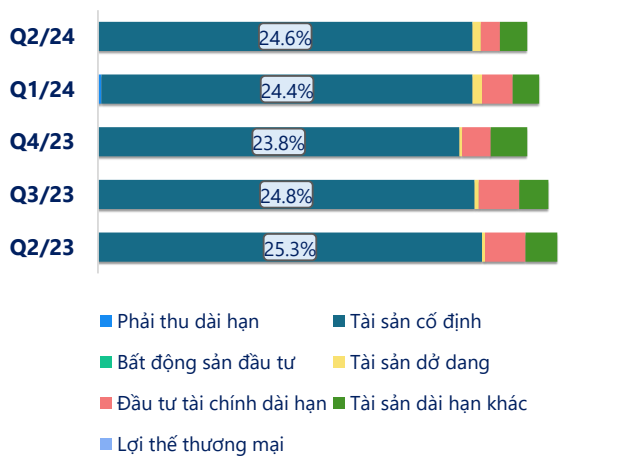
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



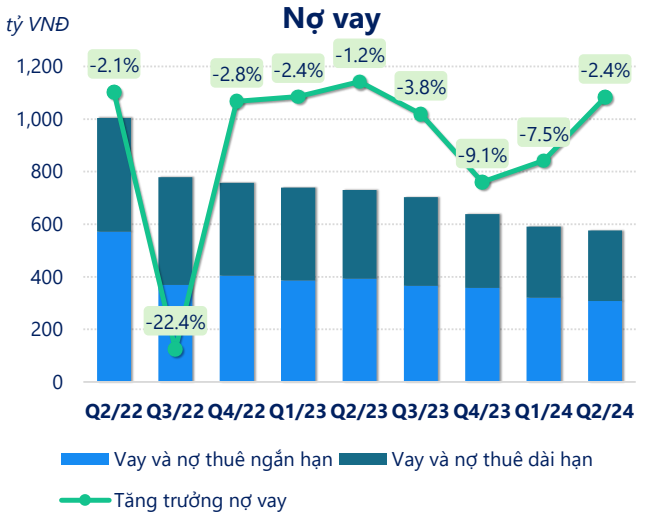
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



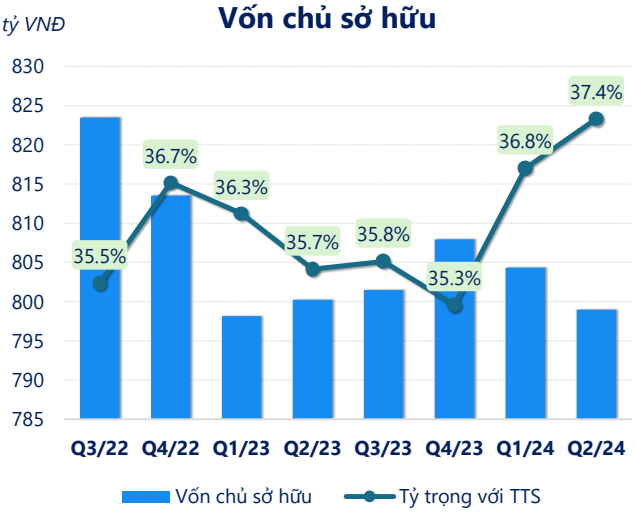
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



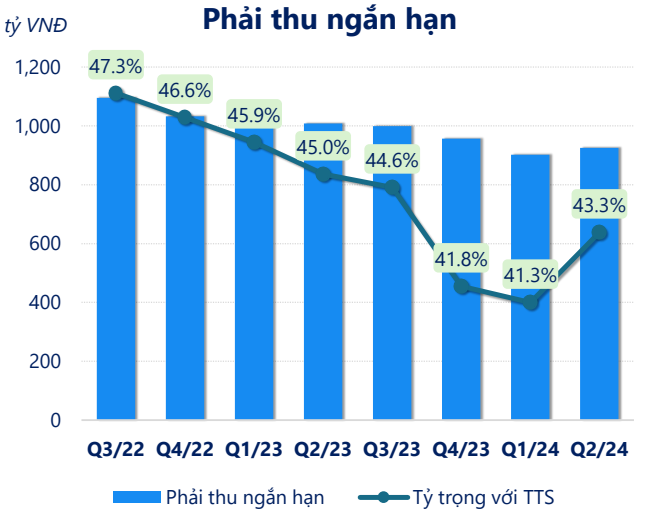
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



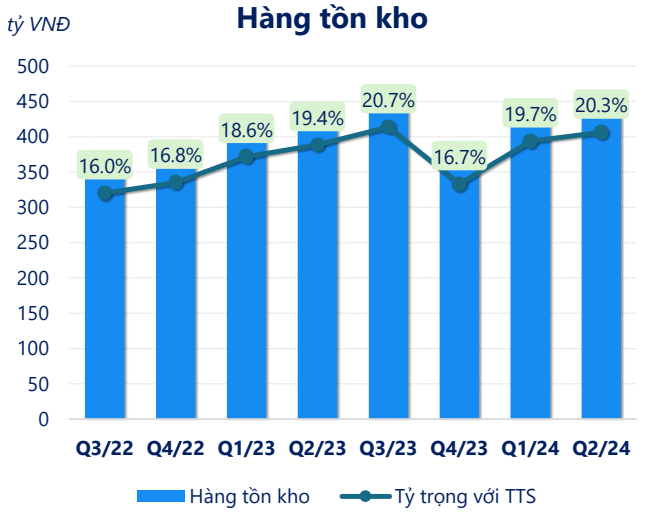
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



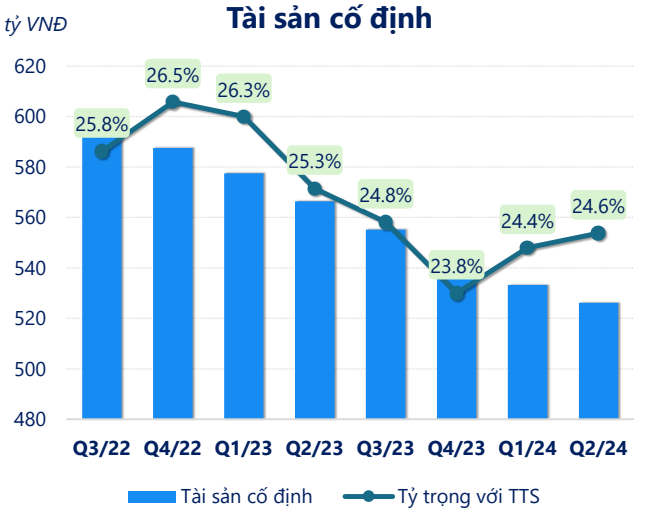
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



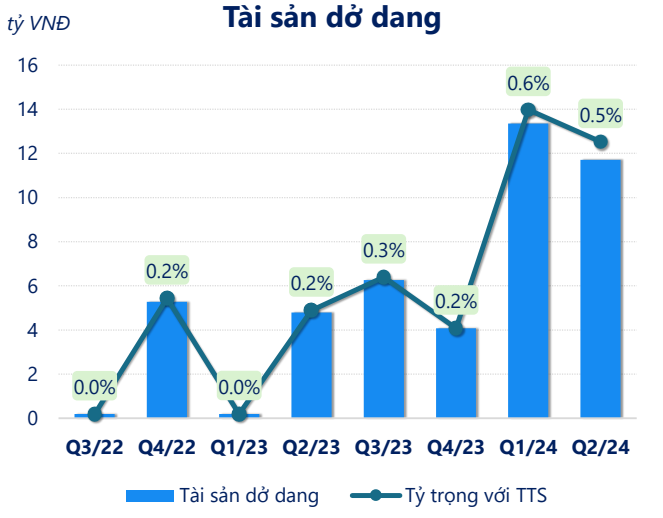
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



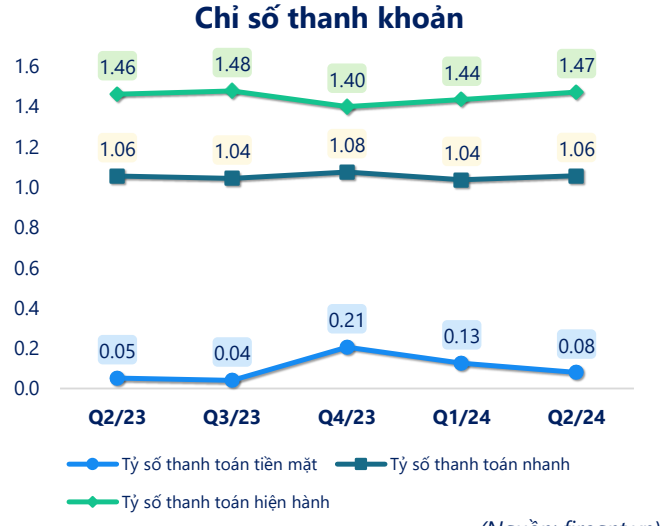
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



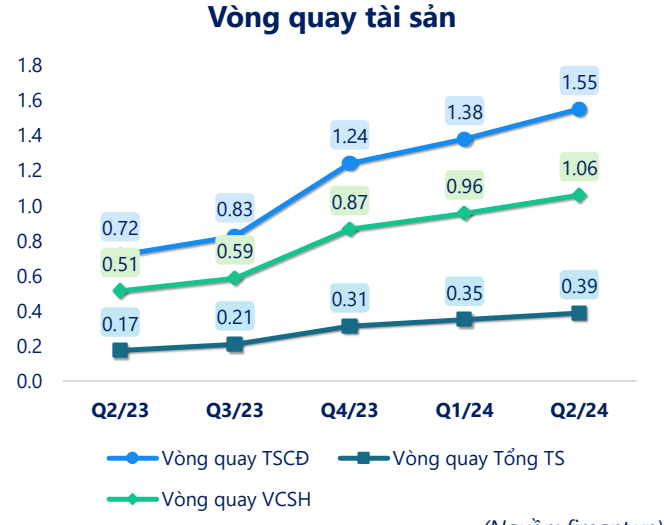
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**2,242**	**2,239**	**2,289**	**2,183**	**2,136**
Tài sản ngắn hạn	**1,564**	**1,576**	**1,642**	**1,549**	**1,532**
Tiền và tương đương tiền	55.4	43.0	241	135	82.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	1,008	999	957	902	925
Hàng tồn kho	435	463	381	430	434
Tài sản ngắn hạn khác	65.4	70.9	63.7	81.5	90.7
Tài sản dài hạn	**678**	**664**	**647**	**634**	**603**
Phải thu dài hạn	0.08	0.08	0.08	5.08	0.23
Tài sản cố định	566	555	544	533	526
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	4.79	6.26	4.08	13.4	11.7
Đầu tư tài chính dài hạn	59.6	59.6	42.9	44.3	27.0
Tài sản dài hạn khác	46.7	42.6	55.3	38.1	38.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,441**	**1,438**	**1,481**	**1,379**	**1,337**
Nợ ngắn hạn	**1,069**	**1,066**	**1,173**	**1,079**	**1,040**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	393	365	357	320	308
Phải trả người bán ngắn hạn	232	265	246	202	210
Nợ dài hạn	372	372	309	299	297
Vay và nợ thuê dài hạn	337	337	281	271	268
Nguồn vốn chủ sở hữu	**800**	**801**	**808**	**804**	**799**
Vốn chủ sở hữu	**800**	**801**	**808**	**804**	**799**
Vốn điều lệ	427	427	427	427	427
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)